

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H L
TỈNH THANH HÓA

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: **38/2021/HSST**
Ngày: 29/6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H L - TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Tiến Thanh
Ông Nguyễn Văn Thư

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Mỹ Dung - Thư ký Tòa án.
Tòa án nhân dân huyện H L, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H L tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST - HS, ngày 16 tháng 6 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên : **Nguyễn Văn Th** - Sinh ngày: 10/6/1988.

STQ: Thôn B Tr , xã H L, huyện H L, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam ; Tôn giáo : Không; Trình độ học vấn: 5/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ và tên bố: Nguyễn Văn Th - Sinh năm 1963. Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị V - Sinh năm 1963(Đã chết). Gia đình có 04 người con, bị cáo Th là con thứ 4. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tháng 01/2007 bị TAND huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã được xóa án tích.

- Tháng 12/2012 bị TAND huyện Đồng Ph, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã được xóa án tích.

- Tháng 09/2014 bị TAND huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã được xóa án tích.

- Tháng 5/2017 bị TAND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 19/02/2019. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2021 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ** - Sinh ngày 05/6/1978.

STQ: Thôn B Tr , xã H L, huyện H L, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam ; Tôn giáo : Không; Trình độ học vấn: không biết chữ. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ và tên bố: Nguyễn Văn Tr- Sinh năm 1942 (Đã chết). Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Ch - Sinh năm 1943 (Đã chết). Gia đình có 05 người con, bị cáo Đ là con thứ 5. Vợ là: Nguyễn Thị X, hiện đang lao động tại Malaysia. Bị cáo có ba con: con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không

Bản thân từ nhỏ được gia đình nuôi cho ăn học hết lớp 01/12, sau đó bỏ học sống phụ thuộc gia đình, lớn lên xây dựng gia đình và lao động tự do tại địa phương.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2021 đến ngày 19/3/2021, áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:** Ông Lê Văn Ph - Sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H H, xã H L, huyện H L, tỉnh Thanh Hóa.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Hoàng Thị D - Sinh năm 1968. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Ph L, huyện H L, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 06/3/2021 Nguyễn Văn Th, sinh năm 1988 trú tại Thôn B Tr, xã H L, huyện H L, tỉnh Thanh Hóa đi chợ qua nhà ông Lê Văn Ph, sinh năm 1972 ở thôn H H, xã H L, huyện H L thì phát hiện thấy nhà kho của gia đình ông Ph không có cửa, bên trong có một đống cuộn dây đồng, loại lõi trần được quấn tròn thành những cuộn nhỏ nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đến 16 giờ cùng ngày, Th đang đi ngoài đường thì gặp Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978 ở cùng thôn. Th nói với Đ “*Nhà dưới thôn H H có ít dây đồng, đến tối anh có đi lấy với tôi không*”. Đ hiểu là Th rủ đi trộm cắp tài sản, do đang thiếu tiền nên Đ đồng ý và nói “*Khi nào đi thì gọi*”. Sau đó cả hai đi về nhà mình, đến khoảng 23 giờ 15 Pht cùng ngày, Th đi bộ đến nhà Đ rủ Đ đi trộm cắp. Đ lấy xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đen - trắng BKS: 36B4-77052 và 02 bao bì tải của nhà mình rồi chở Th đi đến nhà ông Ph. Khi đi đến cách nhà ông Ph khoảng 07-

08m, Đ tắt máy, dựng xe ở ngoài rồi cả hai đi vào kho lấy các cuộn dây đồng bỏ vào 2 bao bì đã chuẩn bị sẵn, sau đó mang ra xe chở về nhà Đ cất giấu xong Th đi bộ về nhà mình. Đến khoảng 06 giờ 30 Pht ngày 07/3/2021 Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ dùng xe mô tô BKS: 36B4-770.52 chở các cuộn dây đồng đã trộm cắp của nhà ông Ph đến cửa hàng thu mua phế liệu của bà Hng Thị D, sinh năm 1968 ở thôn H, xã Ph L, huyện H L để bán. Bà D đồng ý mua với giá 150.000đ/1 kg đồng, nên cả hai quay về chở hết số đồng trộm cắp được đến bán cho bà D. Bà D thấy nhiều đồng nên hỏi “Đồng ở đâu mà nhiều thế”, Th trả lời “Bọn em không làm nghề nữa nên mới bán”. Sau khi cân số dây đồng lên được 102,8 kg, bà D trả tiền cho Th và Đ là 15.420.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Số tiền này Th chia đôi, mỗi người 7.710.000đ. Th đã sử dụng 500.000đ mua ma tuý sử dụng, số tiền còn lại Th và Đ tiêu xài cho cá nhân.

Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp, Th và Đ thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên ngày 10/3/2021 Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Hậu Lộc đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 12/3/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H L đã ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 175/ĐCSHS đối với 102,8 kg dây đồng trên.

Tại bản kết luận số 10/KL-HĐĐGHS ngày 15/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện H L kết luận: Giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá 22.616.000đ (Hai mươi hai triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng).

Chiếc xe mô tô YAMAHA, nhãn hiệu SIRIUS, màu đen - trắng BKS: 36B4-770.52 mà Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ sử dụng làm phương tiện để đi thực hiện hành vi vào việc phạm tội là của Nguyễn Văn Đ nên cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện H L đã tạm giữ chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Toàn bộ 102,8 kg kim loại bằng đồng và 02 bao bì tải, bà D mua của Th và Đ, bà đã bán lại cho một người đàn ông thu mua sắt vụn khoảng 40 tuổi nhưng bà không biết tên, địa chỉ cụ thể. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm người này nhưng không có kết quả, nên không thu hồi được số vật chứng trên. Do đó, ông Lê Văn Ph là chủ sở hữu số đồng bị trộm cắp, yêu cầu Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho ông số tiền là 22.616.000đ. Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã bồi thường cho ông phải số tiền 11.500.000đ, bị cáo Nguyễn Văn Th chưa bồi thường.

Trong vụ án này, bà Hoàng Thị D là người đã trực tiếp mua 102,8 kg kim loại bằng đồng của Th và Đ, nhưng bà D không biết đó là tài sản do Th và Đ trộm

cấp mà có. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H L không xử lý đối với bà D về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

* Tại bản Cáo trạng số 41/CT - VKSHL ngày 01 tháng 6 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện H L đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

* Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H L giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. (đối với Nguyễn Văn Th); Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự (đối với Nguyễn Văn Đ). Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ tội “*Trộm cắp tài sản*”;

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th mức án từ 24 tháng đến 27 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2021.

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án từ 18 tháng đến 21 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng.

*Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc làm và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 Chiếc xe mô tô YAMAHA, nhãn hiệu SIRIUS, màu đen - trắng BKS: 36B4-770.52 của Nguyễn Văn Đ sử dụng làm phương tiện thực hiện vào việc phạm tội

* Về trách nhiệm Dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn Đ đã bồi thường cho ông Lê Văn Ph số tiền 11.500.000đ bằng 1/2 giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt. Ông Ph đã nhận đủ số tiền bồi thường, ông Ph không yêu cầu bị cáo Đ pH bồi thường gì thêm nên HĐXX miễn xét.

Áp dụng: Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 584; 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải bồi thường cho ông Lê Văn Ph số tiền 11.116.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với tài liệu và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 23 giờ 30 Pht ngày 06/3/2021 Nguyễn Văn Th đã rủ Nguyễn Văn Đ cùng nhau lén lút đột nhập vào nhà ông Lê Văn Ph ở thôn H H, xã H Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa để trộm cắp 102,8 kg kim loại bằng đồng, loại dây đồng lõi trần, có trị giá 22.616.000đ (*Hai mươi hai triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng*) để tiêu sài cá nhân,

Như vậy, Cáo trạng số 41/CT-VKSHL ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H L truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ và phân công nhiệm vụ cho từng người nên chỉ là đồng phạm giản đơn, trong đó, Nguyễn Văn Th giữ vị trí, vai trò thứ nhất, vì là Th người khởi xướng, đồng thời cũng là người thực hiện hành vi trộm cắp; Nguyễn Văn Đ giữ vị trí, vai trò thứ hai, Đ là người được Th rủ rê và cùng thực hiện hành vi phạm tội với Nguyễn Văn Th.

[4]. Xét tính chất vụ án: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội, làm xáo trộn sự ổn định trong cộng đồng dân cư. Vì vậy cần pH xử lý các bị cáo đúng pháp luật, tương xứng với hành vi, H quả mà các bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như đặc điểm nhân thân của các bị cáo:

Đối với Nguyễn Văn Th không có tiền án, tiền sự. Nhưng trong quá trình sinh sống từ trước đến nay, bị cáo đã bị xét xử, kết án 04 lần về hành vi trộm cắp tài sản và đều bị buộc pH chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ trong những khoảng thời gian nhất định. Xong, bị cáo không lấy đó làm những bài học để tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành người công dân lương Th - sống có ích cho

gia đình và xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Điều đó đã thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu, nên cần pH xem xét về đặc điểm nhân thân của bị cáo khi quyết định mức hình phạt trong vụ án này.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội ngày 10/3/2021 bị cáo Th đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H L đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình, nên bị cáo Th được hưởng chung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là “*Người phạm tội đầu thú*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Văn Đ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã đến Công an để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình; Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần pH cách ly bị cáo Nguyễn Văn Th ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, mới đủ điều kiện để cải tạo bị cáo trở thành người công dân lương Th. Bị cáo Nguyễn Văn Đ Phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, lý lịch rõ ràng, nên không cần pH cách ly bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo Đ cải tạo tại địa phương, cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội sau này.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có công việc làm và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Về vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 Chiếc xe mô tô YAMAHA, nhãn hiệu SIRIUS, màu đen - trắng BKS: 36B4-770.52 và 01 một giấy đăng ký xe mang tên Đỗ Ngọc Hưng của Nguyễn Văn Đ sử dụng làm phương tiện thực hiện vào việc phạm tội

[8]. Về trách nhiệm Dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn Đ đã bồi thường cho ông Lê Văn Ph số tiền 11,500.000đ, ông Ph không yêu cầu bị cáo Đ pH bồi thường gì thêm nên HĐXX miễn xét.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th pH bồi thường cho ông Lê Văn Ph số tiền 11.116.000đ.

[9]. Về án phí: Buộc các bị cáo pH chịu án phí HSST. Bị cáo Nguyễn Văn Th pH chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

*** Áp dụng:** Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 38; Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự. (Đối với Nguyễn Văn Th)

Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 65; Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. (Đối với Nguyễn Văn Đ)

Điểm a khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

***Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn Th **24** (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2021.

***Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn Đ **18** (Mười tám) tháng tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho UBND xã H L, huyện H L, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

**Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. (Năm 2019)*

“ Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo ”.

***Về vật chứng:** Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 Chiếc xe mô tô YAMAHA, nhãn hiệu SIRIUS, màu đen - trắng BKS: 36B4-770.52 và 01 một giấy đăng ký xe mang tên Đỗ Ngọc H của Nguyễn Văn Đ sử dụng làm phương tiện thực hiện vào việc phạm tội. Đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 28/BBVC-CCTHA ngày 01/6/2021, của Cơ quan thi hành án dân sự huyện H L.

***Về trách nhiệm Dân sự:** Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th pH bồi thường cho ông Lê Văn Ph số tiền 11.116.000đ.

***Về án phí:** Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ pH nộp 200.000đ án phí HSST; Bị cáo Nguyễn Văn Th pH nộp 556.000đ án phí DSST.

***Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, ông Ph có đơn yêu cầu Thi hành án nếu bị cáo Th không nộp khoản tiền bồi thường trên thì hàng tháng bị cáo pH chịu thêm mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản tiền.

**Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận

- VKSND huyện H L;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện H L;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Bị cáo, bị hại;Người liên quan;
- Chi cục THA huyện H L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn X Chuyên